



**Lenovo ThinkCentre E73z Intel® Core™ i3 i3-4150 50,8 cm (20")
1600 x 900 pixels Máy tính All-in-One 4 GB DDR3-SDRAM 500 GB
HDD Windows 7 Professional Wi-Fi 4 (802.11n) Màu đen**

Nhãn hiệu : Lenovo

Họ sản phẩm: ThinkCentre

Mã sản phẩm: 10BD00CNPC

Tên mẫu : E73z



Lenovo ThinkCentre E73z. Sản Phẩm: Máy tính All-in-One. Kích thước màn hình: 50,8 cm (20"), Kiểu HD: HD+, Độ phân giải màn hình: 1600 x 900 pixels. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i3, Tốc độ bộ xử lý: 3,5 GHz. Bộ nhớ trong: 4 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR3-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 500 GB, Phương tiện lưu trữ: HDD. Model card đồ họa on-board: Intel® HD Graphics 4400. Máy ảnh đi kèm. Loại ổ đĩa quang: DVD±RW. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 7 Professional. Màu sắc sản phẩm: Màu đen

Màn hình		Thiết kế	
Kích thước màn hình *	50,8 cm (20")	Màu sắc sản phẩm *	Màu đen
Độ phân giải màn hình *	1600 x 900 pixels	Khe cắm khóa cáp	✓
Màn hình cảm ứng *	✗	Loại khe cắm khóa dây cáp	Kensington
Độ nét cao toàn phần	✗	Hiệu suất	
Kiểu HD *	HD+	Sản Phẩm *	Máy tính All-in-One
Đèn LED phía sau	✓	Chipset bo mạch chủ	Intel® H81
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Phần mềm	
Bộ xử lý		Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 7 Professional
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i3	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Thế hệ bộ xử lý	4th gen Intel® Core™ i3	Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✗
Model vi xử lý *	i3-4150	Công nghệ Intel® Turbo Boost	✗
Số lõi bộ xử lý	2	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Các luồng của bộ xử lý	4	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✗
Tốc độ bộ xử lý *	3,5 GHz	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✗
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	3 MB	Công nghệ Chống Trộm của Intel	✗
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	Công nghệ Khởi động Nhanh của Intel®	✗
Tốc độ bus hệ thống	5 GT/s	Công nghệ Kết nối Thông minh của Intel	✗
Máy tính 64-bit	✓	Lợi thế Doanh nghiệp Nhỏ của Intel (Intel® SBA)	✗
Công suất thoát nhiệt TDP	54 W	Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	✓
Phiên bản PCI Express	3.0	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Đầu cắm bộ xử lý	LGA 1150 (Socket H3)	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	22 nm	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	32-bit, 64-bit	Công nghệ Intel® Clear Video	✗
Chia bậc	C0	Intel® Insider™	✗
Loại bus	DMI	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Tên mã bộ vi xử lý	Haswell	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✗
Dòng vi xử lý	Intel Core i3-4100 Desktop series	Intel® Smart Cache	✓
Phát hiện lỗi FSB Parity	✗	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	16		
Cấu hình PCI Express	1x16, 2x8, 1x8+2x4		
Mã của bộ xử lý	SR1PJ		
Nhiệt độ CPU (Tcase)	72 °C		
Bộ nhớ trong tối đa được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	32 GB		
Vi xử lý không xung đột	✓		
Loại bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	DDR3-SDRAM		
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	1333,1600 MHz		

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Bảng thông bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý (tối đa)	25,6 GB/s	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Kênh bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	Luồng	Intel® Enhanced Halt State	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✓	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Bộ nhớ		Intel® Demand Based Switching	✗
Bộ nhớ trong *	4 GB	Intel® TSX-NI	✗
Loại bộ nhớ trong	DDR3-SDRAM	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Bộ nhớ trong tối đa *	16 GB	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✗
Khe cắm bộ nhớ	2	Kiến trúc Intel® 64	✓
Loại khe bộ nhớ	SO-DIMM	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	1600 MHz	Trạng thái Chờ	✓
Bố cục bộ nhớ	1 x 4 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Dung lượng		Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	37.5 x 37.5 mm
Tổng dung lượng lưu trữ *	500 GB	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Phương tiện lưu trữ *	HDD	Khả năng mở rộng	1S
Số lượng ổ lưu trữ lắp đặt	1	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Tốc độ ổ cứng	7200 RPM	Graphics & IMC lithography	22 nm
Giao diện ổ cứng	SATA III	Thông số kỹ thuật giải pháp nhiệt	PCG 2013C
Loại ổ đĩa quang *	DVD±RW	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✗
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	0,00
Đồ họa		Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Card đồ họa on-board *	✓	Phiên bản Công nghệ Intel® Small Business Advantage (SBA)	1,00
Họ card đồ họa on-board	Intel® HD Graphics	Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics 4400	Công nghệ Intel® Dual Display Capable	✗
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	350 MHz	Công nghệ Giao diện hiển thị linh hoạt (FDI) của Intel®	✗
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1150 MHz	Công nghệ Lưu trữ Nhanh của Intel®	✗
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	1,024 GB	Công nghệ Intel Fast Memory Access	✗
Số hiển thị được hỗ trợ (đồ họa on-board)	3	ID ARK vi xử lý	77486
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	11.1	Điện	
ID card đồ họa on-board	0x41E	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	150 W
Âm thanh		Trọng lượng & Kích thước	
Gắn kèm (các) loa *	✓	Chiều rộng (với giá đỡ)	506 mm
Công suất định mức RMS	4 W	Chiều sâu (với giá đỡ)	94,7 mm
Micrô gắn kèm	✓	Chiều cao (với giá đỡ)	271,5 mm
Hệ thống âm thanh	HD	Trọng lượng (với bộ đỡ)	6,87 kg
Máy ảnh		Tính bền vững	
Máy ảnh đi kèm *	✓	Chứng chỉ bền vững	EPEAT Silver, NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Tổng số megapixel	1 MP	Nội dung đóng gói	
Độ phân giải máy ảnh	1280 x 720 pixels	Kèm chuột	✓
hệ thống mạng		Kèm theo bàn phím	✓
Wi-Fi *	✓	Các đặc điểm khác	
Tiêu chuẩn Wi-Fi *	Wi-Fi 4 (802.11n)	Giao diện ổ lưu trữ	Serial ATA III
Chuẩn Wi-Fi	802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n)	Chế độ tự động	✗
Kết nối mạng Ethernet / LAN *	✓	Công nghệ Ảo hóa Intel® (Intel® VT)	VT-x
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Màn hình có thể tháo rời	✗
Bluetooth *	✓		
Phiên bản Bluetooth	4.0		
Cổng giao tiếp			
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1		
Số lượng cổng USB 2.0 *	4		

Cổng giao tiếp

Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	2
Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1
Đầu ra tai nghe	1
Giắc cắm micro	✓

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.